

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /VPUB-KSTT

Điện Biên, ngày tháng 6 năm 2025

V/v công khai, huỷ công khai
TTHC tại các Quyết định số:
1285/QĐ-UBND, 1296/QĐ-
UBND ngày 25/6/2025 của
Chủ tịch UBND tỉnh.

Kính gửi:

- Sở Nội vụ;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- UBND các xã, phường.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Quyết định số: 1285/QĐ-UBND, 1296/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực Quản lý nhà nước về hội, quỹ; lĩnh vực Lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên.

Đến nay, việc nhập, đăng tải công khai dữ liệu 23 thủ tục hành chính, huỷ công khai 21 thủ tục hành chính (*Danh sách cụ thể tại Phụ lục kèm theo*) được công bố tại 02 Quyết định nêu trên vào Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của Cổng dịch vụ công quốc gia đã hoàn thành; thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị:

1. Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Khai thác thông tin, công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại mục 1 Phụ lục kèm theo Công văn này lên Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và niêm yết trên Bảng niêm yết thủ tục hành chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định; đồng thời, huỷ công khai, bỏ niêm yết đối với các thủ tục hành chính tại mục 2 Phụ lục kèm theo Công văn này.

- Hướng dẫn tổ chức, cá nhân khai thác, tìm hiểu, nộp hồ sơ thủ tục hành chính theo mã số đã công khai.

Lưu ý: Việc niêm yết, công khai/không công khai thực hiện kể từ ngày 01/7/2025 (ngày Quyết định số: 1285/QĐ-UBND, 1296/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có hiệu lực thi hành).

2. Sở Khoa học và Công nghệ kết nối, đồng bộ các thủ tục hành chính giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính

của tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Nhận được Văn bản này, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Phạm Thế Xuyên

Phụ lục
DANH SÁCH TTHC TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1285/QĐ-UBND, 1296/QĐ-UBND
NGÀY 25/6/2025 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH ĐÃ CÔNG KHAI,
HUỶ CÔNG KHAI TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU TTHC CỦA
CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA
(Kèm theo Công văn số /VPUB-KSTT ngày /6/2025 của Văn phòng UBND tỉnh)

1. Thủ tục hành chính công khai

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính
I	Thủ tục hành chính cấp tỉnh	
1	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.013017.000.00.00.H18
2	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhân thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	1.013018.000.00.00.H18
3	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	1.013019.000.00.00.H18
4	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.013020.000.00.00.H18
5	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	1.013021.000.00.00.H18
6	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	1.013022.000.00.00.H18
7	Thủ tục quỹ tự giải thể	1.013023.000.00.00.H18
8	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	2.001955.000.00.00.H18
II	Thủ tục hành chính cấp xã	
1	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	1.013702.H18
2	Thủ tục thành lập hội	1.013703.H18
3	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	1.013704.H18
4	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội.	1.013706.H18
5	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội.	1.013707.H18
6	Thủ tục hội tự giải thể	1.013708.H18
7	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	1.013709.H18
8	Thủ tục hỗ trợ kinh chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham	1.013710.H18

	gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	
9	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.013711.H18
10	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	1.013712.H18
11	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	1.013713.H18
12	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.013714.H18
13	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	1.013715.H18
14	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	1.013716.H18
15	Thủ tục quỹ tự giải thể	1.013717.H18

2. Thủ tục hành chính huỷ công khai

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH	
1	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.013017.000.00.00.H18
2	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	1.013018.000.00.00.H18
3	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	1.013019.000.00.00.H18
4	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.013020.000.00.00.H18
5	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	1.013021.000.00.00.H18
6	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	1.013022.000.00.00.H18
7	Thủ tục quỹ tự giải thể	1.013023.000.00.00.H18
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
1	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.013024.000.00.00.H18

2	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	1.013025.000.00.00.H18
3	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	1.013026.000.00.00.H18
4	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.013027.000.00.00.H18
5	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	1.013028.000.00.00.H18
6	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	1.013029.000.00.00.H18
7	Thủ tục quỹ tự giải thể	1.013030.000.00.00.H18
8	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	1.012939.000.00.00.H18
9	Thủ tục thành lập hội	1.012940.000.00.00.H18
10	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	1.012949.000.00.00.H18
11	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	1.012941.000.00.00.H18
12	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	1.012950.000.00.00.H18
13	Thủ tục hội tự giải thể	1.012951.000.00.00.H18
14	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	1.012952.000.00.00.H18